CÕI TA BÀ (SAMSĀRA, SA-BÀ) & CỰC LẠC

TA BÀ là gì? Ta bà là phiên âm từ chữ Saha của Phạn ngữ, có nghĩa là ráng chịu đựng, vì chúng sinh ở trong cõi này chịu các phiền não, tham sân si bức bách, làm các điều ác, xoay quanh trong ba nẻo sáu đường, lại cứ cam lòng nhẫn chịu không mong ngày ra khỏi. Ta bà không phải chỉ có một thế giới ta đang ở, mà nó gồm cả ba nghìn đại thiên thế giới, trong phạm vi hóa độ của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Pháp giáo Phật dạy rằng :

Ta bà chẳng khác gì quán trọ, nhân loại sống trong cõi này đều giả tạm, vô thường, không thật. Tại sao không thật? Vì suốt cả cuộc đời bị sinh, lão, bệnh, tử, tiền tài, danh vọng chi phối, bức bách thật là khổ não. Tất cả đời sống vật chất cho dù làm vua, làm quan, giàu sang đến cỡ nào đi nữa nhưng khi ra đi không mang được gì cả, cho nên mới gọi là không thật. Chúng ta là người hiểu đạo, phải sớm giác ngộ ngay chỗ này, sống có đạo đức để làm lợi ích cho mọi người. Có như vậy, mới không uổng phí đời người.

Ngoại Ta-bà ví như Cực Lạc : CỰC LẠC là gì? Cực là rất, lạc là vui. Như vậy, Cực lạc là cõi thuần vui. Trong Kỳ Viên Hội, đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất dạy rằng: *"Cõi đó vì sao gọi là Cực lạc? Vì chúng sinh trong cõi đó không có các điều khổ, chỉ hưởng thuần những sự vui, nên gọi là Cực lạc"*.

Thế cho nên : Ta bà thật là đau khổ, tại sao chúng ta không sớm giác ngộ để một lòng nhớ về cố hương Cực lạc? Cố hương là nơi chúng ta chôn nhau cắt rốn, là ngôi nhà vững chắc cho chúng ta ngơi nghỉ sau những ngày tháng vất vả với cuộc đời.

Đức Phật Thích Ca, vì hiểu cuộc đời ngắn ngủi, kiếp phù sinh tạm bợ, mong manh nên đã quay mặt với vinh hoa, độc hành vào núi thẳm, rừng sâu tìm chân lý. Bao ngày tháng miệt mài tu tập, cuối cùng giác ngộ, đem đạo mầu soi tỏ cuộc đời. Giáo lý Ngài dạy rất nhiều, trong đó, vô thường (không thường còn, luôn đổi thay biến dạng) là một trong những giáo lý căn bản.

Thương yêu là thông cảm

Khi chúng ta nhận thức được trên thế gian này, nhân loại và các loài chúng sinh khác đều chịu quá nhiều đau khổ, việc tối thiểu mà ta có thể làm được khi còn sống là góp phần vào việc làm giảm bớt nỗi khổ đau ở chung quanh ta.

Có nhiều người phục vụ nhân loại bằng nhiều cách tuyệt vời. Họ đã và đang góp phần thiện nguyện cung cấp dịch vụ an sinh xã hội, trợ giúp người bệnh, người tàn tật, người nghèo đói, người già, người sắp chết và những người đang lâm cảnh khó khăn. Tất cả những bậc khai sáng tôn giáo đều dạy các tín đồ phải làm việc từ thiện. Trong Phật giáo, chúng ta không tin vào một đấng Tạo hóa nhưng chúng ta tin vào lòng tốt và giữ giới không sát hại sinh linh. Chúng ta tin vào luật nghiệp báo nhân quả - làm tốt thì được tốt và làm xấu thì bị xấu. Do đó, chúng ta luôn luôn cố gắng tu tập làm điều thiện lành, tránh các điều bất thiện như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu hoặc dùng các chất say. Chúng ta tu tập để đạt tới mức độ mình làm việc thiện là vì đó là việc thiện, chứ không phải vì sợ bị đọa xuống địa ngục hoặc vì muốn được ân thưởng về sau. Chúng ta làm tốt vì ta vui thích làm tốt, và tự nhiên ta có khuynh hướng làm tốt. Nói cách khác, chúng ta không còn biết làm gì hơn là làm thiện, làm tốt. Thiện và ta là một.

Đức Phật dạy hàng đệ tử phải có lòng từ thiện và quan tâm đến người khác. Khi dạy về lòng bố thí, Ngài nói bất cứ một nỗ lực nhỏ nào cũng quý. Ngay cả ném vụn bánh mì xuống nước để cho cá ăn cũng được Đức Phật khen ngợi. Một lần nọ, khi vài Tỳ-khưu không chăm sóc một vị Tỳ-khưu đang bị bệnh kiết lỵ, Đức Phật đã tự tay tắm rửa cho vị Tỳ-khưu đó và khiển trách các vị kia, nói rằng: "Ai chăm sóc người bệnh, người ấy chăm sóc Như Lai" (Mahavagga VIII 26.1-8). Đức Phật khuyến khích các bậc vua chúa nên cai trị xứ sở với lòng từ ái. Ngài khuyên họ nên diệt trừ nạn nghèo đói, vì đó là nguyên nhân sinh ra trộm cướp và các tội ác khác. Vốn là một người yêu chuộng hòa bình, Đức Phật đã từng đứng ra can gián khi hai bộ tộc có ý định gây chiến chỉ vì tranh giành một khúc sông. Đức Phật hỏi: "Cái gì quan trọng hơn - nước sông hay máu người đổ xuống vì chiến tranh?". Hai bộ tộc nhận ra sự phi lý của cuộc tranh chấp và quyết định rút quân, không đánh nhau nữa.

Một trong những vị vua nhân từ nhất, chịu ảnh hưởng giáo pháp của Đức Phật, là vua A Dục, trị vì Ấn độ vào thế kỷ thứ ba trước Tây lịch, khoảng 200 năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Nổi tiếng về lòng nhân đạo, vua A Dục còn có lòng rộng rãi từ tâm đến cả loài thú. Ngài gửi các y sĩ đến chữa bệnh cho cả người lẫn thú. Ngài xây nhà nghỉ cho khách lữ hành, và dưỡng đường cho người nghèo và người bệnh. Mặc dù là một Phật tử thuần thành, vua A Dục cũng cho phép dân chúng được tin theo bất cứ đạo giáo nào và hỗ trợ sự sinh hoạt của mọi giáo phái. Vua A Dục xem vai trò của mình là một người lãnh đạo nhân từ, lúc nào cũng mong người dân được thịnh vượng và hạnh phúc.

Chúng ta cũng vậy, nếu chúng ta theo lời Phật dạy, ta sẽ có những hành động tương tự như vua A Dục để làm giảm thiểu sự đau khổ, mở rộng hòa bình và hạnh phúc. Chính Đức Phật là một tấm gương tốt đẹp nhất để chúng ta noi theo, vì Ngài đã dành trọn cuộc đời của mình để dạy cho mọi người thấy được con đường thoát khổ. Ngài không những chỉ muốn làm giảm khổ mà Ngài còn chỉ dạy con đường đưa đến diệt khổ một cách rốt ráo. Sau khi chứng ngộ, Ngài dùng trọn 45 năm còn lại của đời mình để dạy chúng ta cách thức diệt khổ. Ngài dạy con đường tỉnh giác.

Đức Phật nhận ra rằng chỉ bằng cách tu tập thật rốt ráo thì người ta mới có thể diệt khổ. Mặc dù việc săn sóc người đau ốm, chữa lành bệnh tật, cung cấp thực phẩm và giúp đỡ vật chất cho người bần hàn là một phần của việc cứu khổ, nhưng đó chỉ là chữa những triệu chứng. Đức Phật muốn tìm một sự chữa trị dứt hoàn toàn cơn bệnh khổ. Do đó, Ngài suy nghiệm toàn bộ vấn đề sinh và tử. Để giải quyết vấn đề ở tận gốc rễ của nó, Ngài thấy chúng ta cần phải hay đổi tâm thức một cách rốt ráo. Sự đau khổ chủ yếu là do nơi tâm. Khi một người bị đau đớn về thể xác, người đó thường phản ứng bằng sự buồn rầu, sợ hãi và chán nản. Nhưng Đức Phật nói nếu là một người biết hành thiền thì người đó có thể chịu được cơn đau thể xác mà không bị đau về tinh thần. "Thân có đau, nhưng đừng để tâm đau theo", Ngài dạy như thế. Nói cách khác, người ấy không phản ứng với cơn đau bằng sự buồn rầu, lo âu, chán nản, oán ghét, sân hận, v.v. Ngược lại, người ấy phản ứng với một tâm an định và bình thản. Người ấy vẫn vui vẻ và còn có thể an ủi khuyến khích những người khác nữa.

Vấn đề chủ yếu là do ở Tâm. Nếu chúng ta loại trừ được tham, sân, si ra khỏi tâm thức mình, chúng ta có thể hoàn toàn chế ngự và tiêu diệt được sự khổ não về tinh thần, như

băn khoăn và lo lắng, sầu não và than van. Ta phải thừa nhận rằng đau đớn thể chất là điều không thể tránh khỏi khi ta còn hiện hữu với cái thân xác này. Tất cả chúng ta đều biết sự thật là không ai có thể thoát khỏi già lão, bệnh hoạn, tử vong. Nhưng Đức Phật nói một khi tâm chúng ta được thanh tịnh, không còn mọi bợn nhơ của tham, sân, si, thì cơn đau thể xác không còn làm ta sợ hãi nữa. Không gì lay chuyển ta được nữa. Không gì làm ta tức bực được nữa, dù đó là cơn đau đớn kịch liệt của những loại bệnh nan y. Tâm ta có thể vẫn giữ điềm nhiên. Vì vậy, có lần ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà), một vị đại đệ tử của Đức Phật, được hỏi là làm sao ngài có thể giữ sự an nhiên khi bị bệnh nặng, ngài trả lời rằng đó là vì ngài đã làm chủ được tâm của mình qua việc hành thiền giác niệm do Đức Phật dạy.

Ngoài ra, Đức Phật cũng dạy là nếu người nào đã đạt đến mức độ diệt được tham, sân, si, thì sẽ không còn phải tái sinh nữa. Khi người ấy chết, đó là kiếp cuối của bậc thánh A-la-hán. Người ấy đã đạt đến trạng thái Niết Bàn an lạc, vô sinh. Vì không còn tái sinh, người ấy không còn phải trải qua cảnh lão, bệnh, tử. Đức Phật nói, đó mới là diệt khổ.

Giảm thiểu phiền khổ

Trên con đường nỗ lực tinh tấn chấm dứt hoàn toàn sự khổ, chúng ta nên giúp cứu khổ bằng mọi cách trong khả năng của mình. Thế gian này không thiếu gì những cảnh khổ ải. Con người gánh chịu khổ não qua nhiều cách khác nhau. Khi đọc tin tức trên báo chí, ta thấy cái khổ ở mọi nơi. Người ta cãi nhau, đánh nhau, giết nhau, cướp bóc, dối trá, lừa đảo, và gây khổ cho nhau bằng đủ mọi cách. Chúng ta làm khổ cho nhau, do sự mê muội của chúng ta. Ngoài ra, còn biết bao thiên tai, tai nạn, rủi ro, đói khát, bệnh tật. Và cảnh lão, bệnh, tử luôn luôn theo sát chúng ta từng bước.

Thực thế, thế gian này tràn đầy khổ ải. Tại sao chúng ta lại đổ thêm khổ ải vào đó? Tại sao chúng ta không chịu dấn thân, giúp làm giảm bớt khổ ải? Ngay cả nếu không làm được nhiều, chúng ta cũng có thể làm được chút ít. Mọi nỗ lực, dù lớn dù nhỏ, đều tốt cả. Như là có người đã nói: "Không có sự sai lầm nào lớn hơn sự sai lầm là mình không chịu làm gì cả bởi vì nghĩ rằng mình chỉ có thể làm được quá ít". Mỗi chúng ta đều có thể làm được một chút ít gì đó, tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mình. Trước hết, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách ăn ở, cư xử tử tế hơn. Chúng ta có thể kiểm soát cơn giận của chúng ta. Mỗi khi giận dữ, chúng ta gây khổ não cho chính mình và người khác. Nhưng

nếu chúng ta kiểm soát được sự giận dữ và nuôi dưỡng lòng bao dung và nhẫn nại, tình thương và từ tâm, chúng ta trở thành những người tử tế hơn, và điều đó sẽ giúp mang niềm vui và hạnh phúc đến cho người khác.

Nói cách khác, chúng ta bắt đầu bằng cách thanh tịnh tâm, trừ khử mầm mống bất thiện và tiêu cực của tham, sân, si. Dựa vào khả năng kiểm soát được các trạng thái bất thiện này, chúng ta phát triển tình thương và tâm từ. Chúng ta trở nên tử tế hơn trong quan hệ với những người chung quanh. Chúng ta nói chuyện một cách thương yêu và dịu dàng hơn, và tránh những lời cộc cằn lỗ mãng, châm biếm mỉa mai. Chúng ta trở nên quan tâm nhiều hơn về sự an vui của người khác. Nếu chỉ biết lo cho chính quyền lợi của mình thì chúng ta sẽ không thể mở rộng lòng thương yêu. Muốn có tình thương yêu, chúng ta phải biết quan tâm đến người khác, chứ không phải chỉ riêng có bản thân mình. Vì vậy, chúng ta phải tự hỏi, mình có thương yêu đủ chưa? Mình có quan tâm đủ chưa? Nếu chưa, thì chúng ta chưa thể làm gì để giảm bớt sự khổ. Bởi chính từ tình thương yêu thật sự mà chúng ta mới có những hành động cụ thể.

Mỗi người chúng ta đóng góp theo cách riêng của mình, theo bất cứ cách thức nào mà mình biết. Chẳng hạn, chúng ta có thể đóng góp bằng cách chia sẻ kiến thức về Phật Pháp mà mình biết, cho dù sự hiểu biết của mình còn rất hạn chế. Ta có thể khuyến khích mọi người hành thiền và hướng dẫn họ chút ít trên đường tu học. Ta có thể kêu gọi mọi người thương yêu, quan tâm đến nhau hơn, tử tế và kiên nhẫn với nhau hơn, v.v. Dĩ nhiên chúng ta không hoàn toàn, và có những lúc, chúng ta không làm tròn vai trò của mình. Có câu tục ngữ nói rất đúng, rằng: "Nói thì dễ, nhưng làm được lời mình nói thì rất khó". Vì vậy, ta cũng nên là người đầu tiên đứng ra nhìn nhận những nhược điểm của mình và chấp nhận sửa sai. Chúng ta thường có tác ý tốt và không có ý định hại ai. Nhưng do sự sơ hở, kiêu căng, thiếu hiểu biết, thiếu nhẫn nại, thiếu bao dung, v.v., chúng ta có thể làm khổ phiền người khác, cho dù chúng ta có ý định tốt. Nhưng một người có tâm hồn cao thượng sẽ thông cảm và tha thứ cho ta. Khả năng tha thứ là một đức tính tuyệt vời, vì vậy mới có câu: "Lầm lỗi là người, tha thứ là thánh".

Bạn cứ sẵn sàng cống hiến, đóng góp, bố thí, và chỉ có bạn mới biết cách nào mình có thể đóng góp hay nhất, tốt nhất. Mỗi người chúng ta đều có sở trường, tài nghệ và năng khiếu khác nhau. Điều kiện và hoàn cảnh mỗi người một khác, cho nên chúng ta đóng

góp theo cách thức riêng của mình, tùy theo điều kiện và căn duyên của mình. Điều quan trọng là ta có cố gắng, ta làm theo khả năng của mình. Bất cứ một đóng góp nhỏ nhặt nào cũng tốt, và sau một thời gian thì ta sẽ nhận ra rằng mình đã làm được khá nhiều việc. Và đó là dịp để ta hoan hỉ. Dĩ nhiên điều đó không có nghĩa là ta nên ngừng nghỉ trên sự hoan hỉ đó. Còn rất nhiều việc phải làm, cho nên ta phải tiếp tục nỗ lực, tiếp tục tinh tấn thêm.

Thương yêu là thông cảm

Muốn chết lành, chúng ta phải sống tốt. Nếu đã sống tốt thì chúng ta có thể chết lành, không hối tiếc. Chúng ta ra đi bình an, hài lòng rằng mình đã làm tất cả những gì mình có thể làm được, rằng trong đời mình đã chia sẻ sự cảm thông và hạnh phúc, rằng mình đã sống theo những nguyên tắc của mình dựa trên tình yêu thương của tâm từ.

Thương yêu là thông cảm. Tình thương yêu không phán xét hay lên án. Tình thương yêu lắng nghe và thông hiểu. Tình thương yêu quan tâm và có thiện cảm. Tình thương yêu chấp nhận và tha thứ. Tình thương yêu không có ranh giới. Tình thương yêu không phân biệt, không nói: Tôi theo Nam tông, anh theo Bắc tông hoặc Mật tông. Tình thương yêu không nói: Tôi theo Phật giáo còn anh theo Thiên chúa giáo, Hồi giáo, hoặc Ấn độ giáo. Hoặc tôi là người Hoa, chị là người Mã lai, ông kia là người Ấn, bà nọ là người Âu. Hoặc tôi là người Đông phương, còn anh là người Tây phương; hoặc tôi là người Mã lai, anh là người Nhật, chị là người Mỹ, người Miến, người Thái, v.v.

Tình thương yêu vượt qua mọi rào cản. Tình thương yêu thấy và cảm nhận được chúng ta đều cùng một giống, đó là nhân loại. Nước mắt chúng ta đều như nhau, chúng đều mặn, và máu chúng ta đều đỏ. Khi đã có tình thương yêu và từ tâm, chúng ta có thể thông cảm với người khác. Chúng ta thấy rằng mình cùng đi trên một con thuyền trong cơn sóng gió biển cả cuộc đời. Chúng ta là bạn khổ đồng hành trong biển trầm luân, cái vòng sinh tử luân hồi trong cõi Ta-bà. Chúng ta là anh chị em lẫn nhau qua nhiều đời, nhiều kiếp.

Một khi chúng ta đã thấy và cảm nhận điều này, mọi rào cản về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, phong tục tập quán, v.v. sẽ sụp đổ. Chúng ta mở rộng cánh tay với trái tim yêu thương thuần tịnh. Chúng ta hiểu và cảm nhận được cái khổ của người khác. Tâm từ bao trùm thân ta. Trong lời nói hoặc hành động của chúng ta, người khác cảm nhận được tình

thương yêu và tâm từ này. Nó làm an dịu và chữa lành khổ ải của mọi người. Nó góp phần vào nền hòa bình và sự cảm thông trên thế giới.

Chuyện con bọ cạp

Tình thương yêu đi đôi với tâm từ. Khi có được một trái tim thương yêu, tâm từ sẽ nổi lên dễ dàng trong ta. Mỗi lần thấy một người chịu khổ, ta tự cảm thấy mình cần phải làm điều gì đó để giúp giảm sự khổ cho người ấy. Tâm từ tạo ra một đức tính muốn loại trừ hết mọi sự khổ. Chúng ta có thể nhận ra ngay điều đó, khi ta có hành động tức thời để chấm dứt hoặc giảm bớt nỗi khổ của một người nào.

Câu chuyện sau đây sẽ giúp hiểu rõ hơn: *Một người nọ thấy con bọ cạp sắp chết đuối trong một vũng nước. Tự nhiên muốn cứu giúp nó, ông ta nhanh nhẹn đưa tay ra vớt con bọ cạp khỏi vũng nước, đặt nó xuống chỗ khô ráo. Con bọ cạp liền chích ông ta. Vì muốn qua đường, nó đi tiếp và lại lọt vào vũng nước. Thấy nó sắp chết đuối, người đàn ông vớt nó lên lần thứ hai và lại bị nó chích nữa. Một người khác bên đường thấy vậy bèn nói: "Tại sao ông dại quá vậy? Bây giờ ông bị chích chẳng những một lần mà đến hai lần! Thật là điên rồ khi phải cứu vớt một con bọ cạp!" Người đàn ông trả lời: "Thưa ông, tôi không thể không làm được. Ông thấy không, bản tính của con bọ cạp là chích. Còn bản tính của tôi là cứu. Tôi không thể làm gì khác hơn là cứu con bọ cạp."*

Người đàn ông nọ có lẽ nên dùng trí khôn và lấy một que cây để vớt con bọ cạp. Nhưng có thể ông ta nghĩ rằng mình có thể vớt nó bằng tay với một cách nào đó để khỏi bị chích. Hoặc ông ta có thể nghĩ rằng một con bọ cạp trong cơn hoạn nạn như vậy sẽ không chích mình. Trong bất cứ trường hợp nào, bài học của câu chuyện này là phản ứng tức thời của người đàn ông muốn cứu một sinh mạng khác, dù đó chỉ là một loại côn trùng. Nó cũng cho thấy người này có tâm từ cao quý đến độ cho dù mình chỉ nhận sự vô ơn của người mình giúp, điều đó cũng không sao. Đức tính của ông ta là lòng giúp đỡ, và nếu phải giúp nữa thì ông cũng làm. Ông ta không biết ghi giữ trong lòng một sự cay đắng thù hận nào.
Do đó, lòng từ ái là ngôn ngữ của con tim. Khi có được tình thương yêu và lòng từ ái thúc đẩy, chúng ta sẵn sàng giúp đỡ người khác, bất kể màu da, tôn giáo, quốc tịch. Khi đã có từ tâm thì việc xác định màu da, tín ngưỡng v.v. trở thành thứ yếu, không còn quan trọng nữa.

Nếu cố gắng nuôi dưỡng loại tình thương yêu và từ tâm như vậy, khi đến lúc chết, chúng ta sẽ ra đi một cách bình an, thanh thản. Ngay cả nếu chưa thành công một trăm phần trăm trong nỗ lực thương yêu toàn hảo, chúng ta vẫn có thể vui sướng và hài lòng là mình đã cố gắng hết sức. Và chắc chắn là chúng ta đã thành công trong một mức độ nào đó.

Ngũ giới

Nếu chúng ta đã cố gắng nuôi dưỡng loại tình thương yêu như vậy, thì việc giữ năm giới sẽ không phải là quá khó. Khi giữ trọn vẹn năm giới này - không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu hoặc dùng các chất say - ta mang hạnh phúc và sự an toàn đến người khác. Bằng cách nào? Là vì không ai phải lo sợ về chúng ta. Họ không phải sợ hãi, e ngại; trái lại, họ cảm thấy rất an toàn và thoải mái khi gần gũi chúng ta. Họ cảm thấy an tâm là chúng ta không làm hại họ, cướp của, hoặc lừa dối họ. Chúng ta không dan díu với vợ hay chồng của họ. Chúng ta không nói dối với họ. Hơn nữa, nếu chúng ta không uống rượu, họ không phải lo lắng về chuyện con cái họ có thể bắt chước thói uống rượu của chúng ta. Họ cảm thấy có thể tin tưởng chúng ta vì chúng ta không uống rượu say sưa. Chúng ta sùng đạo và thực hành con đường thiện lành, ngay thẳng. Chúng ta là những người vô hại. Người nào còn ham muốn thú vui với cảm giác mạnh có thể nghĩ rằng chúng ta có một cuộc đời nhàm chán, và chúng ta là người điên rồ, ngu dại. Nhưng điều đó không quan trọng. Chúng ta vui vẻ chấp nhận con người của mình. Và người nào có sự hiểu biết minh triết sẽ ngợi khen chúng ta.

Vậy thì việc chúng ta giữ năm giới là điều tốt. Hơn nữa, ta còn thực hành lòng bố thí rộng rãi và tử tế. Ta quan tâm và chia sẻ những gì chúng ta có thể cung hiến. Ta cố gắng tăng trưởng sự giác niệm mà Đức Phật đã dạy, tinh tấn sống một cuộc đời trong tỉnh giác. Ta hành thiền để hiểu rõ hơn về bản chất của sự hiện hữu, về những đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của đời sống. Cho nên, khi đã làm hết mọi việc đó - trong đạo Phật gọi là bố thí, trì giới, tham thiền, khi đã sống một cuộc đời tốt đẹp, ta còn gì để sợ khi chết? Ta còn gì để ân hận?

Chính vì vậy, muốn có một cái chết tốt thì phải có một cuộc sống tốt. Và khi đã sống đẹp, ta có thể chết đẹp. Ta ra đi bình an, hài lòng rằng mình đã làm tất cả những gì mình có thể làm được. Chúng ta có thể còn phạm vài lỗi lầm trong cuộc sống. Nhưng có mấy ai sống mà không phạm lỗi lầm? Là phàm nhân chưa giác ngộ, ta có thể đã làm một số việc

sai quấy. Điều đó dễ hiểu, vì không ai hoàn toàn cả. Nhưng điều quan trọng là một khi nhận ra những sai lầm đó, ta bắt đầu vun trồng tình thương yêu và từ tâm, bắt đầu gìn giữ giới hạnh và thanh lọc tâm thức của mình. Ta vui sướng vì mình còn có đủ thì giờ và cơ duyên để chuyển sang con đường đúng đắn của Chánh Pháp, đưa đến giải thoát tối hậu. Như người ta thường nói: "Thà trễ còn hơn không". Chúng ta có thể đến nơi đó có phần chậm trễ hơn nhiều người khác, nhưng ít ra, ta vẫn có thể tiến đến đó được.

Đối chiếu sự dị đồng giữa Ta bà và Cực lạc

Khi đối chiếu so sánh giữa hai thế giới Ta Bà và Cực Lạc, ta thấy ngay nơi danh xưng đã là khác nhau một trời một vực rồi. Thế thì đối chiếu so sánh để làm gì cho phí sức. Thật ra, có đối chiếu so sánh giữa đời sống và cảnh vật của hai thế giới, thì ta mới phát khởi tín tâm nhiều hơn. Và như thế, đâu không phải là điều thú vị lắm sao! Như thế, thì việc làm này đâu phải là vô ích.

Hôm nay, tôi xin nêu ra một số vấn đề về cảnh vật và đời sống của hai thế giới Ta Bà và Cực Lạc, để chúng ta chiêm nghiệm giữa hai đời sống khác nhau như thế nào. Đã gọi là thế giới, tất nhiên, đó là phần vật chất hình tướng. Đã là vật chất hình tướng, thì tất cả đều là hư ảo huyễn mộng. Tuy nhiên, tuy huyễn mộng, nhưng cũng có mộng đẹp và mộng xấu. Nói cách khác là thiện mộng và ác mộng, tức mộng khổ và mộng vui. Thế thì ta nên chọn mộng nào? Chắc ai cũng thích chọn mộng đẹp và vui. Có ai ngu dại gì mà lại chọn mộng xấu khổ bao giờ?

Đứng về mặt sự tướng mà nói, thì Ta Bà hay Cực Lạc, tất cả đều tùy tâm hiển hiện. Không có vật nào ngoài tâm. Đúng vậy. Nhưng hiện tại, thử bình tâm xét lại tâm ta như thế nào? Tâm ta có được an ổn không? Hay luôn luôn bất an xáo trộn, loạn động không dừng. Vẫn biết, khi tâm tịnh, thì mọi vật đều tịnh. Nhưng ngặt nỗi, tâm ta chưa an tịnh thì sao? Mọi vật có an tịnh hết không? Hay là tối ngày phan duyên theo trần cảnh, chưa từng ngừng nghỉ. Do đó, chúng ta cần tìm hiểu giữa hai thế giới người và cảnh khác nhau thế nào.

Thứ nhứt, xét về danh xưng, tức tên gọi: Ta Bà và Cực Lạc. Ta thấy, ngay trong danh xưng thực chất của nó đã là khác nhau rất xa rồi. Một bên là thuần vui không khổ. Ngược lại, một bên là thuần khổ không vui. Cho nên gọi là Ta Bà và Cực Lạc.

Ta Bà là cực kham khổ. Cực lạc, thì cực thuần vui. Khổ như thế nào? Và vui như thế nào? Về khổ thì cõi nầy, xét về mặt tục đế, hay sanh diệt Tứ đế, thì đời sống của con người không một ai thoát khỏi bốn nỗi khổ lớn: "sanh, già, bệnh, chết". Bốn nỗi khổ phụ là: "ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội và ngũ ấm xí thạnh khổ". Ngược lại, cõi Cực lạc, thì không có những nỗi thống khổ này. Lý do tại sao? Lần lượt đối chiếu, chúng ta sẽ thấy rõ.

Thứ hai, khác nhau về cảnh vật. Theo kinh Di Đà diễn tả cho chúng ta biết, thì cõi Cực Lạc, tất cả cảnh vật đều kết thành bằng bảy thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

1. Đất báu (bảo địa) toàn bằng lưu ly (thuộc loại ngọc xanh) trong suốt sáng ngần.

2. Ao báu (bảo trì) đáy ao và chung quanh ao, đều kết hợp bằng 7 thứ báu tạo thành. (tượng trưng cho thất thánh tài. Thất thánh tài gồm có: tín, tấn, giới, tàm quý, văn, xả, định huệ). Dưới đáy ao toàn bằng cát vàng, khác hẳn với ao ở cõi trần toàn là bùn lầy. Ao sâu và rất rộng. Nước thì có 8 thứ công đức:

- Vắng lặng.
- Mát mẻ
- Ngon ngọt
- Nhẹ nhàng
- Bóng lộng
- Ôn hòa
- Uống vào khỏi đói
- Uống vào nuôi lớn các thiện căn. Nước trong ao khi uống vào mát mẻ và khỏe khoắn lạ thường. Nước thuần một vị trong mát, không có mặn lạt hay nhơ bẩn như nước cõi nầy.

3. Cây báu (bảo thọ) cây tự nhiên không do ai trồng. Có nhiều loại cây tên gọi khác nhau. Tất cả đều ngay hàng thẳng lối. Cây chiên đàn hương, cây kiết tường quả v.v… nhánh lá, bông, trái đều đặn chỉnh tề. Thân lá bông trái đều kết tụ bằng thất bảo. Ngược lại, cây ở cõi nầy có vô số loại và tên gọi khác nhau. Có những loại mọc tự nhiên, có nhiều loại do người ta trồng. Loại trồng theo hai bên đường, cũng giống như cõi Cực Lạc, cũng ngay hàng thẳng lối, trông rất đẹp mắt. Song có điều không phải do các thứ báu kết tụ thành. Dĩ nhiên, thân và tàn cây không cao lớn và sum sê mát mẻ như cây ở cõi Cực Lạc.

4. Lầu báu (bảo lâu) các tòa lâu đài cũng do các thứ báu tạo thành. Những cung điện có rất nhiều từng. Dĩ nhiên, là sang trọng cao quý hơn ở cõi nầy rất nhiều. So với những cung điện, lầu các của các cõi trời ở cõi Dục giới, thì lâu đài, cung điện ở cõi Cực Lạc sang trọng đẹp đẽ hơn nhiều.

5. Tòa sen báu (bảo tòa) màu sắc rực rỡ đẹp lạ thường. Màu nào phát ra ánh sáng màu nấy. Phật, Bồ tát và các người dân ở cõi Cực Lạc đều ngồi trên tòa sen báu cả. Tòa sen có nhiều cỡ loại lớn nhỏ cao thấp khác nhau. Sự khác biệt này, tất cả đều do công đức niệm Phật tu hành sâu cạn của người ở cõi này mà có những tòa sen khác nhau.

Ngoài ra, còn có những thứ khác nữa như lưới cũng bằng báu. Ở đây, cũng có lưới, nhưng lưới kết lại bằng dây nhợ.

Đến như các loài chim, như chim Khổng tước, chim Ca lăng tần già, chim Cọng mạng v.v… cũng đều do đức Phật A Di Đà biến hóa ra. Ngày đêm phát ra những tiếng pháp nhiệm mầu. Rồi đến gió thổi, suối reo, nước chảy, nhạc trời v.v… cũng đều phát thành tiếng nói pháp, ai nghe đến cũng đều phát khởi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Về cảnh vật, chúng tôi chỉ xin đơn cử lược bày đại khái như thế. Tất cả những cảnh vật nêu trên, ở cõi này cũng đều có. Nhưng chỉ khác nhau ở chỗ một đằng thì kết tụ bằng báu vật, một đằng thì không phải vật báu, mà toàn bằng những thứ xấu uế.

**** Khác nhau về đời sống của người dân.***

Sự sống của người dân ở cõi Cực Lạc như thế nào? Trong quyển " Đường về Cực Lạc " do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh biên soạn có nêu ra, chúng tôi xin tóm lược đại khái như sau:

Người sanh về cõi Cực Lạc là do thần thức gá vào hoa sen thành thai, nên gọi là thai sen hay liên hoa hóa sanh. Lấy hoa sen làm cha mẹ. (Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu). Khác hơn cõi này, thân người có ra là do nam nữ giao hợp và thần thức gá vào, đủ duyên kết hợp lại tạo thành thai bào, rồi đủ ngày tháng sanh ra. Nên gọi nam nữ là cha mẹ. Người sanh ra ở cõi Ta Bà là do nghiệp thức quá khứ dẫn thọ sanh. Tùy nghiệp báo thọ sanh. Do đó, nên thân hình của mỗi người khi sanh ra đẹp, xấu… có khác nhau. Nghĩa là xét về thân hình, thì có đẹp xấu, cao thấp, màu da, đen trắng, vàng xanh, mập óm v.v… mỗi mỗi đều khác nhau. Trên gương mặt cũng không ai giống ai. Đã có thân, thì có trẻ, già, bệnh và cuối cùng là chết. Ngược lại, người sanh về Cực Lạc là do " nghiệp tịnh "mà sanh, nên thân thể khác hơn ở cõi này.

Nói tóm lại, *thân thể cõi này là do duyên hợp mà có. Đã do duyên hợp nên mới có những sự khác biệt và các nỗi thống khổ. Ngược lại, người ở cõi Cực Lạc, vì do hoa sen báu sanh ra, nên thân hình của họ là thân kim cương bất hoại. Do đó, nên họ không có sự sai biệt về thân hình cũng như không có những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết.(không có già nên không có nhà dưỡng lão. Không có bệnh nên không cần có bác sĩ, y tá, bệnh viện và thuốc men. Không có chết, nên không cần có quan tài, nhà quàn, nghĩa địa, lò thiêu và mồ mả. Khỏi phải tốn tiền chi phí cho những thứ này. Ở cõi này, khi sống, thì tốn tiền chi dụng đủ thứ, lúc chết cũng phải tốn tiền, mới thanh toán được cái thân xác. Thật là lắm phiền toái phức tạp). Thân tướng ai cũng như nấy, đồng xinh đẹp tướng hảo như nhau. Đó là sự khác biệt rất lớn về thân thể của hai thế giới Ta Bà và Cực Lạc.*

**** Khác nhau về phần thọ dụng.***

Mọi cảnh vật ở cõi Cực Lạc do tự nhiên mà thành, tuyệt đối, không do ai tạo tác. Ăn mặc hưởng dụng tự nhiên, muốn như thế nào thì hiện ra như thế nấy. Các thứ vật dụng uống ăn, đều tùy ý của người thọ dụng mà hiện ra. Như dĩa, bát v.v… tất cả đều bằng châu báu. Thực phẩm đều thuần chất thơm ngon. Không có vấn đề bị nhiễm độc hay mất vệ sinh như ở cõi nầy. Ăn xong, mọi vật dụng đều tự biến mất. Không cần phải dọn rửa cất dẹp chi cả. Nên cõi Cực lạc không có ban trù đường, ban hành đường và cũng không có người công quả, nhà bếp, nồi niêu soong chảo, mọi thứ lỉnh kỉnh như bên nầy. Do đó,

nên không có phiền toái tính toán về vấn đề ăn uống. Và cũng không có nạn chết vì ngộ độc ăn uống.

Đã có ăn vào, tất nhiên phải có tiêu hóa. Như vậy, người ở cõi Cực Lạc có phải đi đại tiểu tiện như người ở cõi này hay không? Nếu có tiêu tiểu, tất nhiên, là phải có nhà cầu vệ sinh (toilet). Vậy nhà cầu vệ sinh bên đó như thế nào? Nếu không có đại tiểu tiện thì họ phải tiêu hóa ra sao?

Xin thưa, Sau khi ăn, " vật thực vào thân họ tự nhiên tiêu tan lần, hóa thành hơi thơm theo lỗ chân lông tiết ra ngoài, không có cặn bã, tẩm bổ thân thể thêm sự khỏe mạnh, tâm được an vui như bậc vô lậu". (Đường Về Cực Lạc, tr 77). Ngược lại, ở cõi này nếu mượn vô mà không trả ra, thì phải đến bác sĩ hoặc vào bệnh viện điều trị. Vì sinh lý người cõi Ta Bà và người cõi Cực Lạc sự cấu tạo khác nhau. Khác nhau từ lúc thọ thai. Điều khác biệt đó, cũng không có gì là lạ. Cho nên, người ở cõi này, bận rộn phiền toái đủ thứ về vấn đề ăn mặc. Họ lo lắng, tính toán, đua chen, tranh giành, cấu xé, hơn thua, quanh đi quẩn lại, suốt tháng quanh năm, khổ đau, đau khổ cũng chỉ vì ba cái thứ ăn, mặc, ở này. Còn ở cõi Cực Lạc, như trên đã nói, thật là sung sướng vô cùng. Cái gì cũng tự nhiên, cũng tùy ý hết. Muốn ăn, có ăn, muốn mặc, có mặc, không thiếu thốn thứ gì.

Có người thắc mắc: Nếu nói như vậy, thì người ở cõi Cực Lạc ai nấy đều lười biếng hết sao? Vì tối ngày không có làm gì hết. Cứ ăn không ngồi rồi, như thế, thì làm sao chịu nỗi? Người nói như thế, là vì họ quen sống trong cảnh cơ cực lầm than vất vả ở cõi này. Tối ngày, họ làm đầu bù tóc rối kiếm sống mà không có đủ tiền bạc tiêu dùng. Đúng là cày ngày không đủ tranh thủ cày đêm. Nói thế, khác nào như người nhà quê, nghe nói những người giàu có ở thị thành, nhà cao cửa rộng, tiền kho bạc đụng, tối ngày họ ăn không ngồi rồi, không làm động tới móng tay, đời sống rất sung sướng, thì họ cho đó là hạng người lười biếng được hay sao? Hay tại vì người ta đang thụ hưởng cái phước báo giàu sang mà do người ta đã hết lòng tu tạo.

Người muốn sanh về Cực Lạc, không phải muốn về là về được. Cũng như người ở cõi này, không phải muốn giàu là giàu được. Tất cả đều phải nỗ lực tu tạo phước đức. *Người nào muốn vãng sanh về Cực Lạc, thì Phật Tổ thường khuyên dạy, phải bền tâm chí thành niệm Phật và tu tạo các nghiệp phước lành. Đồng thời, phải tin sâu nguyện thiết, hằng*

mong mỏi nguyện sanh về cõi đó. Được thế, thì mới kỳ vọng vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

**** Khác nhau về tâm tánh và thần thông.***

Người ở cõi Cực Lạc, tất cả đều có trí huệ sáng suốt, biện tài vô ngại. Vì tâm tánh của họ thuần thiện, không bao giờ khởi niệm nghĩ ác hay sai trái, nên lúc nào họ cũng phát ra lời nói hiền lành và đúng với chánh pháp. Họ tinh cần tu học, thường xuyên nghe pháp, không có một niệm phóng vật, nên lòng họ rất an định. *Mỗi người đều có ngũ thông. Ngũ thông là: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và thần túc thông*. Họ không có lậu tận thông. Vì họ chưa dứt sạch hết phiền não lậu.

Ngược lại, người ở cõi Ta Bà này, thì lắm điều triền phược, thiếu trí huệ sáng suốt, tâm trí luôn u mê. Do sống trong vô minh vọng nghiệp, nên ý nghĩ, lời nói, hành động của họ thảy đều bất thiện. Ít khi, họ nói lời đạo đức xây dựng, phần nhiều hay nói những lời hung ác phá hoại. Tâm ý thì buông lung tạo nghiệp ác, nên họ thích sống phóng thể trụy lạc sa đọa. Đã thế, thì làm gì họ có được thần thông. Thần thông của cõi này là do nhân tạo. Như những thứ vận chuyển: tàu thuyền, máy bay, điện thoại, máy vi tính điện tử v.v… Đó là những thứ thần thông hiện đại của nhơn loại ở cõi Ta Bà.

**** Khác nhau về công việc thường ngày.***

Người ở cõi Cực Lạc, mỗi sáng sớm, họ thường mang hoa báu đến cúng dường bổn Phật (Phật Di Đà) và thập phương chư Phật. Ngoài ra, do nương thần lực của đức Phật Di Đà, họ muốn cúng dường các thứ vật báu khác đều được toại nguyện cả. Họ cũng dùng âm thanh vi diệu xưng tán ca tụng công đức của chư Phật. Cúng dường nghe pháp xong, bỗng nhiên, họ cảm thấy thân thể rất nhẹ nhàng bay về bổn quốc vẫn còn trước giờ ăn trưa.

Sau giờ thọ trai, họ đi kinh hành tư duy diệu pháp, hoặc niệm Phật, Pháp và Tăng. Xong rồi, chiều lại, tất cả đều nghe giảng kinh thuyết pháp, hoặc trên đất liền hoặc ở hư không. Sau đó, mỗi người tham thiền nhập định, hoặc đi thiền hành tùy ý. Do sống trong

khung cảnh đầy thắng diệu, nên ai nấy đều nỗ lực tu hành. Do đó, mà họ tu học tiến bộ rất nhanh.

Xét về điểm này, người tu học ở cõi Ta Bà, cũng có những điểm giống nhau, ít ra là giống nhau trên hình thức. Ở đây, chúng ta cũng thọ trai, kinh hành niệm Phật, cũng dâng hoa cúng Phật, (nhưng chỉ cúng Phật tượng chớ không phải Phật thiệt). Chúng ta cũng có những buổi giảng pháp, nghe Kinh và pháp đàm, hoặc thiền trà… Nghe xong, chúng ta cũng có những giờ tọa thiền, hoặc thiền hành. Đạo tràng chúng ta trong mỗi khóa tu, cũng có tổ chức những buổi thắp nến niệm Phật. Mỗi hai tuần, chúng ta cũng có những ngày tu học thọ bát chung. Nhứt là những khóa tu kết kỳ niệm Phật, chúng ta cùng tu học sinh hoạt trong đạo tràng suốt bảy ngày. Nhờ những lúc tu học, sinh hoạt chung như thế, mà sự tu học của chúng ta có thêm phần tiến bộ. Tuy tinh thần tu học của chúng ta không bằng người ở cõi Cực Lạc, nhưng chúng ta quyết chí cố gắng tạo cho mình có những thắng duyên để cùng nhau nhịp nhàng tiến bước. Nghĩa là, chúng ta cùng nhau tiến bước về mặt hành trì trên phần sự tướng cũng như gạn lọc phiền não nội tâm. Cả hai, đều phải tận lực song hành.

Đó là những đặc điểm mà chúng ta không khác mấy ở cõi Cực Lạc. Còn về phần tâm tánh, nếu chúng ta nhiếp tâm tha thiết niệm Phật, thì những giây phút đó là chúng ta đang ngồi ở cõi Cực Lạc rồi. Lý do tại sao? Tại vì những lúc đó tâm ta thật sự an lạc, không khổ. Mà an lạc không có khổ, thì đó là Cực Lạc. "*Vì cõi Cực Lạc không có những điều khổ mà chỉ thuần có những điều vui". Vậy, lúc nào tâm ta thật vui thì lúc đó ta đang ở Cực Lạc. Theo ý nghĩa đó, ta cũng có thể tạo cho ta có Cực Lạc ở tại nơi đây. Khi tâm ta thanh tịnh, thì dù ta ngồi ở đâu, thì nơi đó cũng là Cực Lạc cả*.

Nhưng chỉ ngồi ở Cực Lạc trong từng phút giây thôi, chớ chưa phải trọn đời. Vì vậy, chúng ta cố gắng tu hành, thành tâm niệm Phật, càng kéo dài thời gian ra chừng nào, thì ta có Cực Lạc dài chừng nấy. Đó là một kinh nghiệm hiện thực, chớ không phải nói ngoa. Chúng ta cứ nỗ lực gia công hành trì, thì chúng ta sẽ chứng nghiệm cảm nhận cõi Cực Lạc hiện đời ngay.

*** Khác nhau về đức vị.**

Người sanh về cõi Cực Lạc được cái thắng duyên là không bao giờ thối chuyển, chỉ có một bề tiến tu cho đến khi thành Phật. Trong kinh nói, chỉ một đời thành Phật. Nhưng một đời ở cõi Cực Lạc, chúng ta không biết là bao lâu. Vì con người không có sanh, già, bệnh, chết. Đó là một thắng duyên hy hữu mà cõi này không có. Người tu hành ở cõi này, khi tiến, khi thối bất thường, sự tinh tấn rất yếu kém. Có khi, vì một nghịch duyên nào đó, cũng dễ thối thất bồ đề tâm.

Vì sao bất thối chuyển? Vì ở Cực Lạc cảnh duyên trang nghiêm thanh tịnh, gần gũi các bậc toàn là thượng thiện nhơn, ngày đêm thức nhắc tu hành, chỉ giúp tăng thêm đạo hạnh, cho nên khó mà thối chuyển. Theo Ngài Trí Giả Đại Sư, thì ở cõi Cực Lạc có 7 duyên lành làm cho người ta luôn mãi thăng tiến. 7 duyên lành đó là:

1. Thường được thấy Phật, được nguyện lực của Phật nhiếp trì. Như ở trên tàu to không bị sóng nhồi nước đắm.

2. Quang minh của Phật thường chiếu đến thân, làm cho bồ đề tâm tăng tấn. Như được ánh sáng mặt trời, khỏi sa hầm sụp hố.

3. Thường gần gũi Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, chư đại Bồ tát, được Bồ tát dắt dìu gia hộ, mọi người ở quanh mình đều thuần là bực thượng thiện, không tà sư ác hữu, như gần đèn được sáng.

4. Nước, chim, cây, lưới, gió nhạc, quang minh v.v…đều luôn diễn nói pháp mầu. Tai nghe tiếng pháp thời tâm liền thanh tịnh.

5. Đồ ăn thức uống, nước tắm rửa đều làm thêm lớn thiện căn.

6. Tâm ý trọn không kiến chấp vọng duyên, không ác niệm phiền não, chánh niệm thường hiện tiền.

7. Thân thể lại là kim cương bất hoại. Không già yếu, không tật bệnh, sống lâu vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Không bị già bệnh làm trở ngại công phu. Khỏi phải vô thường làm gián đoạn đạo hạnh.

Đủ các thắng duyên như trên thời có thể nào thối thất đạo tâm mà không quyết định thành Phật!

Tóm lại, qua những điểm dị đồng giữa cõi Ta Bà và Cực Lạc mà chúng tôi y cứ vào quyển " Đường Về Cực Lạc " của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh tạm nêu ra sáu điểm khác

biệt. Đa phần đều khác biệt. Khác biệt ngay từ cái tên gọi của nó. Từ đó, cho chúng ta thấy, một cõi thuần vui, một cõi thuần khổ. Tuy nhiên, nếu nói theo Chân đế, thì cõi này cũng không hẳn là thuần khổ. Thuần khổ, là đối với những ai còn sống trong vô minh nghiệp thức. Ngược lại, đối với những người giác ngộ, thì cõi này cũng là Cực Lạc. Cho nên chúng ta không thể nói quyết định một chiều được.

Thế nhưng, số người thực sự giác ngộ, tâm họ luôn luôn an tịnh, thử hỏi thời mạt pháp này có được mấy người? Đối với những bậc thượng căn thượng trí, thì chúng ta không dám luận bàn đến. Chỉ bàn đến là đối với bậc Trung và Hạ căn. Đối với những hạng người này, theo tôi, thì chúng ta nên dốc chí niệm Phật cầu sanh về cảnh giới Cực Lạc. Vì cõi Cực Lạc có đầy đủ thắng duyên hơn cõi này rất nhiều. Phải nói là quá siêu việt tuyệt vời. So với cõi này mà chúng ta đang sống, thì thật là lắm phiền toái chướng duyên.

Nội tâm thì luôn luôn bị phiền não thiêu đốt làm rối loạn bất an. Ngoại cảnh, thì luôn luôn xáo trộn, biến loạn. Lớp thì bị thiên tai giáng xuống họa hại, rồi đến nhơn tai khủng bố đe dọa hằng ngày. Mỗi ngày nhơn loại sống trong hồi hộp, phập phòng, lo âu, sợ hãi đủ thứ. Thế thì, từ con người cho đến cảnh vật, không lúc nào yên cả. Bởi thế, nên Phật nói, cõi này là " Ngũ trược ác thế ". Khổ khổ chất chồng, trong lòng không lúc nào an vui.

Chỉ có cõi Cực Lạc mới là nơi an thân lập mệnh của chúng ta. Cực Lạc mới chính là đích thực quê hương của chúng ta để gởi thân về đó. Vậy, chúng ta còn ngần ngại gì nữa mà không tiến bước. Chỉ cần chúng ta hội đủ ba yếu tố: TÍN, HẠNH,NGUYỆN là chúng ta có đủ tư lương để về Cực Lạc rồi. Chúng ta nguyện kết duyên làm người bạn sen trong muôn thuở. Mong lắm thay!